

**ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

**BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ T15XDC

TÊN HỌC PHẦN: TỔ CHỨC THI CÔNG

HỌC KỲ 5

MÃ HỌC PHẦN: CIE - 404

TÍN CHỈ 2

Ngày thi: 17/10/2011

LẦN THI 1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15			15		15			55	100			
1	152210192	NGUYỄN ÂT	SỬU	T15XDC	9			5		2			5.3	5.3	Nằm pháp Ba		
2	152210268	TRƯƠNG	TUẤN	T15XDC	10			3.5		3			4.3	4.8	Bấ pháp Tầm		
3	152220332	LÊ HỒNG	PHONG	T15XDC	7			4.5		4.5			2.5	0.0	Khăng		
4	152220333	BÙI CHÍ	TÂM	T15XDC	9			5.5		3			5.5	5.7	Nằm pháp Báy		
5	152220335	PHẠM TUẤN	NGỌC	T15XDC	9			7.5		5.5			3.3	0.0	Khăng		
6	152220337	LƯƠNG CÔNG	HOÀNG	T15XDC	10			6.5		7			4	5.7	Nằm pháp Báy		
7	152220338	HÀ QUANG	HẢI	T15XDC	7			7		4.5			4.8	5.4	Nằm pháp Bấ		
8	152220339	TRẦN THANH	TÂN	T15XDC	10			4.5		6			2.8	0.0	Khăng		
9	152220341	NGUYỄN VĂN	THẮNG	T15XDC	9			7		3.5			6.8	6.7	Sầu pháp Báy		
10	152220343	TRẦN QUỐC	HÙNG	T15XDC	10			5.5		4			5	5.7	Nằm pháp Báy		
11	152220344	NGUYỄN MẬU	THIÊN	T15XDC	9			4.5		4			V	0.0	Khăng		
12	152220349	HOÀNG BÁ PHI	TRINH	T15XDC	10			5.5		4			1.5	0.0	Khăng		
13	152220350	TRẦN	VÂN	T15XDC	9			8		7.5			5.5	6.7	Sầu pháp Báy		
14	152220351	NGUYỄN XUÂN	YÊN	T15XDC	9			6		4			4	5.1	Nằm pháp Mắ		
15	152220353	TRẦN VĂN	HÙNG	T15XDC	10			6		2			7	6.6	Sầu pháp Sầu		
16	152220355	NGUYỄN XUÂN	HIẾU	T15XDC	10			8		8.5			4.8	6.6	Sầu pháp Sầu		
17	152220356	PHẠM THÁI	HÙNG	T15XDC	9			5		4.5			6.5	6.4	Sầu pháp Bấ		
18	152220357	NGUYỄN	ĐÃ	T15XDC	9			6		4			5.3	5.8	Nằm pháp Tầm		
19	152220358	NGUYỄN VĂN	HIẾU	T15XDC	9			7.5		7			3	0.0	Khăng		
20	152220359	NGUYỄN NGỌC	QUÂN	T15XDC	10			8.5		8.5			5.5	7.1	Báy pháp Mắ		
21	152220360	TRƯƠNG VĂN	NGHĨA	T15XDC	9			5		4			5.3	5.6	Nằm pháp Sầu		
22	152220361	CHÂU MINH	HÓA	T15XDC	9			5		4.5			4.5	5.3	Nằm pháp Ba		
23	152220362	CHUNG VĂN	NGUYỄN	T15XDC	10			7.5		5			5	6.1	Sầu pháp Mắ		
24	152220364	LÊ HỮU HOÀNG	LONG	T15XDC	9			7.5		5.5			6	6.6	Sầu pháp Sầu		
25	152220365	PHAN VĂN	ÚT	T15XDC	9			7.5		5.5			5.3	6.2	Sầu pháp Hai		
26	152220366	TRẦN VĂN	SƠN	T15XDC	8.5			5.5		6			1	0.0	Khăng		
27	152220368	TRẦN ĐIỆP	VĨ	T15XDC	9			6.5		4			6	6.2	Sầu pháp Hai		
28	152220369	TRẦN TRỌNG	HỮU	T15XDC	10			7.5		5.5			5.5	6.5	Sầu pháp Nằm		
29	152220370	NGUYỄN TÂN	CƯỜNG	T15XDC	8			6		6			HP	0.0	Khăng		
30	152220374	HÀ PHƯỚC	ĐÔI	T15XDC	10			7.5		8			6.3	7.3	Báy pháp Ba		
31	152220375	NGUYỄN VĂN	CỪ	T15XDC	9			6		3.5			5.3	5.7	Nằm pháp Báy		
32	152220376	ĐỖ VĂN	LÂM	T15XDC	10			6		3.5			4.5	5.4	Nằm pháp Bấ		
33	152220377	NGUYỄN BÁ	VŨ	T15XDC	10			6		4			5.3	5.9	Nằm pháp Chên		
34	152220380	NGUYỄN TÂN	TRUNG	T15XDC	10			8		8			7	7.8	Báy pháp Tầm		
35	152220381	TRẦN QUANG	NAM	T15XDC	9			6.5		4			2	0.0	Khăng		
36	152220382	NGUYỄN ĐẶNG DUY	TỶ	T15XDC	10			6		5.5			4	5.4	Nằm pháp Bấ		
37	152220383	TRẦN THANH	HỒNG	T15XDC	10			5.5		5			4	5.3	Nằm pháp Ba		
38	152220384	LÊ QUANG	TÀI	T15XDC	9			6.5		3.5			5.5	5.9	Nằm pháp Chên		
39	152220387	TRẦN QUỐC	VƯƠNG	T15XDC	9			5		5			2.3	0.0	Khăng		
40	152220390	NGUYỄN VĂN	KHOA	T15XDC	8			7.5		7			4	5.6	Nằm pháp Sầu		

Ngày thi: 17/10/2011

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)								ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ		CHỮ
					15			15		15			55	100		
41	152220392	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	T15XDC	10			7		6			4	5.7	Nằm pháy Baý	
42	152220394	ĐẶNG NGỌC	MĂNG	T15XDC	9			5		5.5			4.3	5.3	Nằm pháy Ba	
43	152220395	LÊ THIÊN	VŨ	T15XDC	8			7.5		5			7.3	7.1	Baý pháy Măti	
44	152220397	HÀ PHƯỚC	THANH	T15XDC	6			5.5		6.5			0.5	0.0	Khăng	
45	142220303	NGUYỄN KIM	DŨNG	T15XDC	9			5		3.5			3.3	0.0	Khăng	
1	0067	NGUYỄN HÙNG	CƯỜNG	D15XDC	8.5			6		6			V	0.0	Khăng	Hoàn Thi
2	0280	LÊ QUỐC	HƯNG	D15XDC	7.5			3.5		6			V	0.0	Khăng	Hoàn Thi
3	0295	TRẦN XUÂN	DANH	D15XDC	8			4.5		6			V	0.0	Khăng	
4	0306	VÕ NAM	GIANG	D15XDC	6			4		8			V	0.0	Khăng	Hoàn Thi
5	0316	NGUYỄN VĂN	LÀNH	D15XDC	6			6		6			V	0.0	Khăng	
6	0324	NGUYỄN THU	DẦN	D15XDC	8			5.5		6.5			V	0.0	Khăng	Hoàn Thi
7	0763	BÙI THẾ	VINH	D15XDC	7			6		8			V	0.0	Khăng	Hoàn Thi
8	4585	HỒ MINH	TRIỀU	K13XDD	9			8.5		5.5			7.8	7.7	Baý pháy Baý	
9	0293	NGÔ VĂN	ANH	T14XDC	8			5.5		4			2.5	0.0	Khăng	
10	0332	HUỖNH CÔNG	QUANG	T14XDC	4			4		4			2.5	0.0	Khăng	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	34	62%	
2	Số sinh viên nợ	21	38%	
TỔNG CỘNG :		55	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 11 năm 2011
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Trần Quốc Bảo

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Hữu Phú